

Bản án số: 23/2018/HS-ST
Ngày 28-12-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Thường

2. Ông Hoàng Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nhất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Lù Thanh Tiến- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2018/TLST-HS ngày 03/12/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HS ngày 18/12/2018 đối với bị cáo:

Lý Văn K, sinh năm 1998, tại thị trấn B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn A và bà Đặng Thị T; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 29/8/2018 bị Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giam ngày 11/9/2018; có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Dì Thị H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; có mặt.

2. Chị Quàng Thị C, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 5, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Cháng Văn D, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; có mặt.

2. Anh Lý Văn M, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chiều ngày 02/9/2018 một người Lý Văn K khai tên Lù

Văn X đi xe máy đến thị trấn B gặp K, do đã quen biết nhau từ trước nên K và X đi chơi uống rượu cùng nhau, đến khoảng 00 giờ ngày 03/9/2018 thì X chở K về nhà, khi đến đoạn đường trước cổng vào nhà K thì X dừng xe lại, quan sát thấy nhà chị Dì Thị H là hàng xóm của K khóa cửa ngoài, đoán biết nhà chị H đi vắng nên K và X nảy sinh ý định đột nhập vào nhà để trộm cắp tài sản. X đi vòng ra phía sau nhà chị H, trèo lên mái nhà bếp cây 01 tấm lợp Proximăng, chui vào trong mở cửa phía sau rồi quay lại chỗ K đang đợi. K cùng X đi vào nhà chị H theo lối cửa sau đã được X mở sẵn trước đó để lục tìm tài sản trộm cắp, lục tìm một lúc không thấy tài sản gì để trộm cắp, quan sát thấy trong nhà chị H có chiếc ti vi màn hình mỏng, nhãn hiệu SHARP, model LC32LE265X màu đen kê sát tường, X rút dây điện, còn K bê chiếc ti vi đi theo cửa sau ra ngoài đến chỗ để xe máy. Sau đó X điều khiển xe máy chở K ngồi sau ôm chiếc ti vi trộm cắp được đi lên trung tâm huyện Q tìm chỗ bán nhưng không bán được nên quay lại đến gần nhà anh Cháng Văn D là người trú cùng thôn với K, X ở ngoài đợi còn K mang chiếc ti vi vào nhà gọi anh D dậy gạ bán. Anh D không biết chiếc ti vi là tài sản trộm cắp nên đồng ý mua giá 1.000.000đ, K chia cho X 500.000đ, còn lại số tiền 500.000đ chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra Lý Văn K còn khai nhận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 10/9/2018 khi đi ngang qua cổng nhà chị Quàng Thị C, trú tại tổ 5, thị trấn B, huyện Q, K phát hiện thấy nhà chị C khóa cửa ngoài, đoán biết nhà chị C đi vắng nên K nảy sinh ý định đột nhập vào nhà để trộm cắp tài sản. K đi vòng ra phía sau nhà chị C, trèo qua bờ tường rào vào bên trong, dùng tay tháo tấm lợp che đầy tum ống khói nhà bếp, sau đó trèo lên trên tum ống khói rồi đu, bám, tụt người xuống theo đường ống khói vào trong nhà chị C để lục tìm tài sản. K mở ngăn tủ đầu giường ngủ của chị C, tìm thấy 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng đựng trong chiếc hộp nhựa màu đỏ, để bên trong túi sách giả da màu xanh và số tiền 450.000đ để trong chiếc ví đen, K trộm cắp số tài sản trên rồi trèo theo đường ống khói ra khỏi nhà chị C. Sau khi trộm cắp được tài sản K gọi điện cho anh Lý Văn M là người trú cùng thôn với K đặt vấn đề bán dây chuyền vàng cho anh M, khoảng 22 giờ cùng ngày anh M ra cầu Bản Yên, thuộc địa phận thôn N, thị trấn B gặp K. Anh M không biết sợi dây chuyền vàng là tài sản trộm cắp nên đồng ý mua với giá 1.800.000đ. Sau đó K đi ra huyện Y chơi, tiêu hết số tiền bán vàng và số tiền trộm cắp được.

Tại Kết luận số 5287/C09(04) ngày 05/10/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng gửi giám định có khối lượng 11,22 gam là vàng (Au), hàm lượng Au trung bình 98,91%. Ngoài ra còn có bạc (Ag), hàm lượng Ag trung bình 0,92%; đồng (Cu), hàm lượng Cu trung bình 0,17%”.

Tại Kết luận định giá số 217/KL-HĐĐG ngày 11/9/2018 và Kết luận định giá số 269/KL-HĐĐG ngày 25/10/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Q xác định 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SHARP màu đen, loại màn hình mỏng, số Model: LC-32LE265X giá trị 2.415.000đ; 01 dây chuyền bằng vàng khối lượng 11,22 gam, giá trị 10.908.832đ.

Tại Bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 30/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Lý Văn K về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan không yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lý Văn K từ 14 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Không có ai yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét. Vật chứng đã xử lý trong quá trình điều tra. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát huyện Q, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp; về tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi trộm cắp tài sản bị cáo khai nhận tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản vụ việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, kèm sơ đồ, bản ảnh, biên bản thực nghiệm điều tra kèm bản ảnh, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội được thể hiện: Khoảng 00 giờ ngày 03/9/2018 Lý Văn K lén lút vào trong nhà chị Dì Thị H, trú tại Thôn N, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Hà Giang lấy 01 chiếc ti vi màn hình mỏng, nhãn hiệu SHARP, model LC32LE265X màu đen, giá trị 2.415.000đ, mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 10/9/2018 Lý Văn K lén lút tháo tấm lợp che đây tum ống khói nhà bếp, tụt người xuống theo đường ống khói vào trong nhà chị Quàng Thị C, trú tại tổ 5, thị trấn B, huyện Q, tỉnh Hà Giang lấy 01 dây chuyền bằng vàng khối lượng 11,22 gam giá trị 10.908.832đ mang bán và 450.000đ tiền mặt, chi tiêu cá nhân. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến 50.000.000đ,...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Như vậy, hành vi trộm cắp ti vi và trộm cắp dây chuyền vàng, tiền mặt nêu trên của bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát quyết định truy tố và quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, lợi dụng đêm tối, chủ nhà đi vắng để lén lút trộm cắp, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây hoang mang dao động trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự, an ninh tại địa phương, nên cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm.

[3] Bị cáo Lý Văn K thực hiện hành vi trộm cắp ti vi ngày 03/9/2018 trị giá 2.415.000đ, đến ngày 10/9/2018 trộm cắp dây chuyền vàng và tiền mặt trị giá 11.358.832đ, mỗi lần thực hiện hành vi trộm cắp đã đủ yếu tố về định lượng cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, bị cáo đã 02 lần phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Nhân thân của bị cáo Lý Văn K không tốt đã có 01 tiền sự xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành công dân tốt mà còn tiếp tục phạm tội do cố ý, thể hiện sự coi thường pháp luật, cần phải xử lý nghiêm khắc. Tuy nhiên bị cáo đã tự thú về hành vi trộm cắp dây chuyền vàng và 450.000đ tiền mặt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Quá trình điều tra, bị cáo Lý Văn K khai lần thực hiện hành vi trộm cắp ti vi của gia đình chị Di Thị H có Lù Văn X, sinh năm 1995, trú tại xã P, huyện V, tỉnh Lào Cai cùng tham gia. Cơ quan điều tra Công an huyện Q đã tiến hành xác minh, kết quả không có đối tượng Lù Văn X có năm sinh, địa chỉ, nhận dạng như lời khai của bị cáo nên đã tách hành vi của đối tượng X để tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau.

[7] Đối với hành vi của anh Cháng Văn D mua chiếc ti vi, anh Lý Văn M mua sợi dây chuyền vàng là ngay tình, hoàn toàn không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không bị coi là hành vi vi phạm pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là chiếc ti vi và dây chuyền vàng, số tiền 450.000đ bị hại không yêu cầu bồi thường, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

[9] Về vật chứng: Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu 01 chiếc ti vi, 01 dây chuyền vàng là đúng pháp luật, ngoài ra không thu giữ vật chứng gì khác, nên không phải xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lý Văn K phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn K 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam - ngày 11/9/2018.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lý Văn K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV27, PC81 Công an tỉnh;
- VKSND huyện Q;
- CA huyện Q;
- CCTHADS huyện Q;
- UBND thị trấn B;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Quý

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thường

Hoàng Văn Chính

Nguyễn Xuân Quý

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV27, PC81 Công an tỉnh;
- VKSND huyện Q;
- CA huyện Q;
- CCTHADS huyện Q;
- UBND thị trấn B;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Xuân Quý